TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **116/**2023/HS-ST
Ngày: 09- 06-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tâm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Quang Hoạch và ông Tạ Văn Đài.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai:* Ông Trần Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXHS-ST ngày 19/4/2023 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Trung P (tên gọi khác: Cu), sinh năm 2002, tại Gia Lai. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn S, xã A, huyện P, tỉnh Gia Lai. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 08/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Nùng. Tôn giáo: Không. Con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1981 và bà Vi Thị H, sinh năm 1985. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17/7/2022 (có mặt).

2. Nguyễn Văn Thêm T, sinh năm 1993, tại Vĩnh Phúc. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1958. Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con út trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

3. Đào Duy K, sinh năm 1995, tại Bình Định. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Đào Văn K, sinh năm 1968 và bà Trần Thị X, sinh năm 1964. Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình. Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị N, sinh năm 1997 (đã ly hôn). Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17/7/2022 (có mặt).

4. Lâm Thái H (tên gọi khác: L), sinh năm 1996, tại Sóc Trăng. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Khmer. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Lâm L, sinh năm 1971 và bà Lâm Thị Thanh V, sinh năm 1975. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17/7/2022 (có mặt).

5. Lâm S, sinh năm 1993, tại Sóc Trăng. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp Tiếp Nhựt, xã Viên An, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Khmer. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 0/12. Nghề nghiệp: Bảo vệ. Con ông Lâm Dôl và bà Triệu Thị Sà Ry. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Bị cáo sống như vợ chồng với chị Lâm Dương, sinh năm 1995, có 01 người con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17/7/2022 (có mặt).

6. Sơn H1 (tên gọi khác: T), sinh năm 1992, tại Sóc Trăng. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Khmer. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Sơn D, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Dương Thị H, sinh năm 1967. Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17/7/2022 (có mặt).

7. Châu D, sinh năm 2000, tại Sóc Trăng. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Khmer. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 06/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Châu T, sinh năm 1975 và bà Thị T, sinh năm 1971. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17/7/2022 (có mặt).

8. Kim Thái P1, sinh năm 1995, tại Sóc Trăng. Hộ khẩu thường trú: Ấp K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Khmer. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 08/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông Kim Ngọc T, sinh năm 1959 và bà Thạch Thị H, sinh năm 1960. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1994 (đã ly hôn). Bị cáo có 01 người con sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 02/02/2023 (có mặt).

9. Trà Quang Đ, sinh năm 1996, tại Sóc Trăng. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Khmer. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Trà Sa L, sinh năm 1976 và bà Lâm Thị N, sinh năm 1977. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17/7/2022 (có mặt).

10. Lê Hoàng T1, sinh năm 1996, tại Đồng Nai. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Lê Kim N, sinh năm 1944 (đã chết) và bà Hoang Thị H, sinh năm 1962. Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ bảy trong gia đình. Bị cáo có vợ tên

Nhịn Thị Ngọc T, sinh năm 2000. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17/01/2023 (có mặt).

11. Nguyễn Trung H2, sinh năm 2001, tại Hải Dương. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Tự do. Con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17/7/2022 (có mặt).

12. Trần Lê Anh T2, sinh năm 1999, tại Đồng Nai. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Trần Văn Thắm, sinh năm 1969 và bà Lê Thị Hạnh, sinh năm 1967. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 17/7/2022 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Thêm T và H Trung P là công nhân của Công ty Buwon Vina thuộc Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Do có mâu thuẫn cá nhân nên khoảng 18 giờ ngày 13/7/2022 tại cổng Công ty Buwon Vina, T đã dùng tay đánh 01 cái vào cổ và dùng gậy ba khúc đánh 01 cái vào lưng P gây thương tích không đáng kể sau đó bỏ đi. Bực tức chuyện bị T đánh nên P đã kể lại sự việc cho bạn bè nghe và gọi điện thoại rủ các đối tượng Dương Phúc (Phúc đen), Dũng và Dăn (chưa rõ lai lịch) chặn đánh T. Khoảng 18 giờ ngày 14/7/2022 P cùng với Phúc, Dũng, Dăn và một số bạn cùng công ty với P tập trung tại cổng Công ty Buwon Vina để chặn đánh T nhưng do Đồn Công an Khu công nghiệp Bàu Xéo đã nắm được thông tin kịp thời ngăn chặn nên nhóm của P bỏ về.

Khoảng 15 giờ ngày 15/7/2022 trong lúc ăn nhậu tại phòng trọ của Lê H T1 ở ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, T rủ T1, Nguyễn Trung H2 và Trần Lê Anh T2 đi đánh P thì cả nhóm đồng ý. T1 xuống bếp lấy 02 con dao dài khoảng 30cm, đưa cho T 01 con, T1 giữ 01 con quấn trong áo khoác. H2 điều khiển xe mô tô (chưa rõ biển số) chở T1, T2 điều khiển xe mô tô biển số 63B1-069.92 chở T đi đến cổng Công ty Buwon Vina để chờ đánh P. Biết T cùng đồng bọn chặn đánh mình nên P nhờ Phúc gọi thêm người đến cổng Công ty Buwon Vina để đánh T, đồng thời P rủ các bạn làm cùng Công ty gồm Kim Thái P1, Trà Quang Đ, Châu D, Sơn H1, Lâm Thái H và Đào Duy K khi tan ca cùng P ra cổng Công ty phối hợp với nhóm của Phúc đánh nhóm của T.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Dương Phúc rủ Kim Qui, Lâm S và Vương (chưa rõ lai lịch) mang theo dây cáp bằng kim loại, gậy, tuýp sắt đi trên 02 xe mô tô (không rõ biển số) đến cổng Công ty Buwon Vina để đánh T. Thấy nhóm của T, Dương Phúc và đồng bọn liền xông vào đánh nhau, T và T1 mỗi người cầm 01 con dao nhảy xuống xe đuổi chém nhóm của Dương Phúc, làm Kim Qui bị thương ở cẳng tay trái. Lúc này P cùng với P1, Hiệp, K, D, H và Đ tan ca làm, từ trong Công ty Buwon Vina chạy ra cùng với nhóm của Dương Phúc đánh nhau với nhóm của T, do nhóm của P đông người chặn đánh nên H2 bỏ lại xe mô tô chạy bộ, T2 điều khiển xe mô tô 63B1-069.92 chạy thoát. Dương Phúc cầm dây cáp; P điều khiển xe mô tô 81D1-235.83; P1 điều khiển xe mô tô 83P3-273.11 cầm gạch, đá; H1, H và K cầm cây sắt; D và Đ cầm cây tầm vông cùng nhau đuổi đánh, ném gạch, đá vào T và T1 gây thương tích. Sau đó T chạy thoát gọi điện thoại nhờ bạn chở đến trạm y tế, còn H2 và T2 quay lại đưa T1 đến trạm y tế xã Tây Hòa để băng bó vết thương. Vụ việc xảy ra tại cổng để công nhân ra vào, thời gian xảy ra lúc công nhân tan ca, gây mất an ninh trật tự, gây náo loạn tại khu vực cổng Công ty Buwon Vina nói riêng và KCN Bàu Xéo nói chung làm cho công nhân và doanh nghiệp hoang mang, lo sợ. Chính quyền địa phương và Ban quản lý KCN Bàu Xéo đã có văn bản đề nghị xử lý nghiêm hành vi của các đối tượng theo đúng quy định của pháp luật.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe môtô hiệu Yamaha Sirius không biển số, 01 đoạn tuýp sắt dài khoảng 70cm; 01 cán dao dài khoảng 20cm và 07 đôi dép thu giữ tại hiện trường. Quá trình điều tra thu giữ: 01 xe mô tô 81D1-235.83 và 01 điện thoại di động hiệu Huawei gắn sim 0924.174.948 của P, 01 xe mô tô biển số 63B1-069.92. Đối với các vật chứng khác như: dây cáp, gậy tầm vông, gạch, đá ... do còn bị cáo trong vụ án bỏ trốn và trong lúc đánh nhau bỏ chạy các bị cáo không nhớ chính xác địa điểm vứt bỏ hung khí nên Cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Hoàng Trung P, Đào Duy K, Lâm Thái H, Trà Quang Đ, Kim Qui, Lâm S, Sơn H1, Châu D, Nguyễn Văn Thêm T, Nguyễn Trung H2, Trần Lê Anh T2, Lê Hoàng T1, Dương Phúc và Kim Thái P1 để điều tra. Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Riêng các bị cáo Dương Phúc và Kim Qui đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên chưa bắt được.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với Nguyễn Văn Thêm T, Lê Hoàng T1 và Kim Qui. Quá trình điều tra T, T1 và Qui đều tự nguyện làm đơn từ chối giám định thương tích. Cơ quan điều tra tiếp tục ra Quyết định dẫn giải T, T1 và Qui đến Trung tâm pháp y nhưng T và T1 vẫn từ chối, không hợp tác giám định, còn Qui thì bỏ trốn khỏi địa phương nên không xác định được thương tích của T, T1 và Qui.

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKS-TB ngày 08/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố các bị cáo Hoàng Trung P, Đào Duy K, Lâm Thái H, Trà Quang Đ, Lâm S, Sơn H1, Châu D, Kim Thái P1, Nguyễn Văn Thêm T, Lê Hoàng T1, Nguyễn Trung H2 và Trần Lê Anh T2 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

+ Bị cáo Hoàng Trung P và bị cáo Nguyễn Văn Thêm T mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm.

+ Bị cáo Đào Duy K, Lâm Thái H, Trà Quang Đ, Lâm S, Sơn H1, Châu D, Kim Thái P1, Lê Hoàng T1, Nguyễn Trung H2, Trần Lê Anh T2 mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm đến 05 (năm).

- Về xử lý vật chứng:

+ Đề nghị Tòa tuyên tịch thu tiêu hủy 01 đoạn tuýp sắt dài khoảng 70cm; 01 cán dao dài khoảng 20cm, 07 đôi dép và 01 sim số 0924.174.948.

+ Đề nghị Tòa tuyên tịch thu sung công 01 xe mô tô 81D1-235.83 và 01 điện thoại di động hiệu Huawei là công cụ và phương tiện bị cáo P sử dụng để phạm tội.

+ Đối với 01 xe môtô hiệu Yamaha Sirius không biển số và xe mô tô 63B1-069.92 do chưa xác minh được nguồn gốc và chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Đối với hành vi đánh nhau gây thương tích của các bị cáo Hoàng Trung P, Đào Duy K, Lâm Thái H, Trà Quang Đ, Lâm S, Sơn H1, Châu D, Kim Thái P1, Nguyễn Văn Thêm T, Lê Hoàng T1, Nguyễn Trung H2 và Trần Lê Anh T2 do người bị thương tích đều tự nguyện từ chối giám định, không xác định được thương tích là bao nhiêu % nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với các bị cáo theo quy định.

- Đối với bị cáo Dương Phúc và Kim Qui do đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã ra quyết định Tạm đình chỉ vụ án đối với bị cáo, Tạm đình chỉ điều tra bị cáo và Quyết định truy nã đối với các bị cáo Phúc và Qui.

- Đối với các đối tượng Dũng, Dăn và Vương do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, xét đã có đủ cơ sở để xác định: Nguyễn Văn Thêm T và Hoàng Trung P làm cùng công ty Buwon Vina thuộc Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Do có mâu thuẫn cá nhân nên vào lúc 18 giờ ngày 15/7/2022 tại khu vực cổng Công ty Buwon Vina, P rủ Kim Thái P1, Trà Quang Đ, Châu D, Sơn H1, Lâm Thái H, Đào Duy K, Dương Phúc, Kim Qui và Lâm S đánh nhau với nhóm của T gồm T, Lê Hoàng T1, Nguyễn Trung H2 và Trần Lê Anh T2 (do T rủ rê, lôi kéo). Quá trình đánh nhau hai nhóm điều khiển xe mô tô, sử dụng hung khí (Dao, tuýp sắt, gậy, gạch, đá) la hét, rượt đuổi đánh nhau lúc công nhân tan ca gây mất an ninh trật tự, ùn tắc giao thông, gây náo loạn tại khu vực cổng Công ty Buwon Vina nói riêng và Khu công nghiệp Bàu Xéo nói chung làm cho công nhân và doanh nghiệp hoang mang, lo sợ. Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, đến cuộc sống sinh hoạt ổn định của cộng đồng, vi phạm quy tắc, nếp sống văn minh của người dân nơi công cộng và đã phạm vào tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn. Trong đó bị cáo Nguyễn Văn Thêm T và Hoàng Trung P là người rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò cao hơn và phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của các bị cáo.

[4] Xét nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

[4.1] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo Hoàng Trung P, Lâm Thái H, Sơn H1, Châu D, Kim Thái P1, Trà Quang Đ đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Các bị cáo Đào Duy K, Nguyễn Văn Thêm T, Lê Hoàng T1 và Trần Lê Anh T2 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Nguyễn Trung H2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có người thân là người có công với cách mạng đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Các bị cáo Lâm S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số; trình độ học vấn thấp khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Qua xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Sau khi sự việc xảy ra đã hợp tác khai báo giúp cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng điều tra xử lý vụ việc. Các bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội mà vẫn đáp ứng được yêu cầu phòng, chống tội phạm trong cộng đồng.

[6] Về vật chứng:

[6.1] Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn tuýp sắt dài khoảng 70cm; 01 cán dao dài khoảng 20cm, 07 đôi dép và 01 sim số 0924.174.948.

[6.2] Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô 81D1-235.83 và 01 điện thoại di động hiệu Huawei là công cụ và phương tiện bị cáo P sử dụng để phạm tội.

[6.3] Đối với 01 xe môtô hiệu Yamaha Sirius không biển số và xe mô tô 63B1-069.92 do chưa xác minh được nguồn gốc và chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với hành vi đánh nhau gây thương tích của các bị cáo Hoàng Trung P, Đào Duy K, Lâm Thái H, Trà Quang Đ, Lâm S, Sơn H1, Châu D, Kim Thái P1, Nguyễn Văn Thêm T, Lê Hoàng T1, Nguyễn Trung H2 và Trần Lê Anh T2 do người bị thương tích đều tự nguyện từ chối giám định, không xác định được thương tích là bao nhiêu % nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với các bị cáo theo quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8.1] Đối với bị cáo Dương Phúc và Kim Qui do đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã ra quyết định Tạm đình chỉ vụ án đối với bị cáo, Tạm đình chỉ điều tra bị cáo và Quyết định truy nã đối với các bị cáo Phúc và Qui nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8.2] Đối với các đối tượng Dũng, Dăn và Vương do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Tuyên bố các bị cáo Hoàng Trung P, Nguyễn Văn Thêm T, Đào Duy K, Lâm Thái H, Lâm S, Sơn H1, Châu D, Kim Thái P1, Trà Quang Đ, Lê Hoàng T1, Nguyễn Trung H2 và Trần Lê Anh T2 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

- Xử phạt bị cáo **Hoàng Trung P** 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Hoàng Trung P cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Gia Lai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Hoàng Trung P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Thêm T** 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Thêm T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Văn Thêm T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Đào Duy K** 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đào Duy K cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Đào Duy K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Lâm Thái H** 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lâm Thái H cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Lâm Thái H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68

của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Lâm S** 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lâm S cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Lâm S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Sơn H1** 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Sơn H1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Sơn H1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Châu D** 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Châu D cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Châu D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Kim Thái P1** 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Kim Thái P1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Kim Thái P1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Trà Quang Đ** 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trà Quang Đ cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Trà Quang Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Lê Hoàng T1** 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Hoàng T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Lê Hoàng T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung H2** 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Trung H2 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Trung H2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều

68 của Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Trần Lê Anh T2** 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Lê Anh T2 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Trần Lê Anh T2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

- Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn tuýp sắt dài khoảng 70cm; 01 cán dao dài khoảng 20cm, 07 đôi dép và 01 sim số 0924.174.948.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô 81D1-235.83 và 01 điện thoại di động hiệu Huawei.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Buộc các bị cáo Hoàng Trung P, Nguyễn Văn Thêm T, Đào Duy K, Lâm Thái H, Lâm S, Sơn H1, Châu D, Kim Thái P1, Trà Quang Đ, Lê Hoàng T1, Nguyễn Trung H2 và Trần Lê Anh T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Tâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Công an huyện Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Mẫu 27-HS